

a) Thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch; quyết định tạm ứng tiền lương, quỹ tiền thưởng và quyết định việc hoàn trả phần tiền lương, tiền thưởng hưởng quá mức quy định của Nhà nước đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty thuộc quyền quản lý;

b) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính thẩm định quỹ lương kế hoạch đối với công ty hạng đặc biệt và công ty thực hiện hoạt động công ích có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân;

c) Quý I hàng năm, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiền lương, tiền thưởng năm trước của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Hướng dẫn phương pháp xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch; xác định quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền thưởng hàng năm và kết thúc cả nhiệm kỳ;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng làm việc theo hợp đồng; hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng đối với người đại diện phần vốn góp của công ty nhà nước ở doanh nghiệp khác và thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty hạng đặc biệt và công ty thực hiện hoạt động công ích có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định tại Nghị định này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành:

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các quy định tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2005.

Điều 10. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 11. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 208/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 về việc điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2003/QH11 ngày 04 tháng 11 năm 2003 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2004 và Nghị quyết số 19/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 về nhiệm vụ 2004 của Quốc hội Khóa XI;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với các đối tượng sau đây:

1. Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, người làm công tác cơ yếu hưởng lương hưu hàng tháng theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định.

2. Công nhân, viên chức và người lao động hưởng lương hưu hàng tháng vừa có thời gian hưởng tiền lương theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định, vừa có thời gian hưởng tiền lương không theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định.

3. Công nhân, viên chức đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, kể cả người hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

5. Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 và Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ.

Điều 2. Từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến ngày 30 tháng 9 năm 2005, tăng thêm 10% mức lương hưu, trợ cấp hàng tháng hiện hưởng đối với các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng trước ngày 01 tháng 10 năm 2004 quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 Điều 1 Nghị định này.

Điều 3. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, trợ cấp tuất một lần và mức điều chỉnh lương hưu đối với người hưởng tiền lương theo thang lương, bảng lương mới quy định tại Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bảng lương chức vụ và bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ lãnh đạo Nhà nước; bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát; Quyết định số 128/QĐ-TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể; Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính

phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương áp dụng trong các công ty nhà nước, nghỉ hưu, hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến 30 tháng 9 năm 2005 như sau:

1. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội được tính như sau:

a) Đối với thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 10 năm 2004: tính theo mức tiền lương đã hưởng và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ, Nghị định số 26/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ, Nghị quyết số 35/NQ-UBTVQH9

ngày 17 tháng 5 năm 1993 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 69/QĐ-TW ngày 17 tháng 5 năm 1993 của Ban Bí thư Trung ương;

b) Đối với thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 trở đi: tính theo mức tiền lương thuộc thang lương, bảng lương mới quy định tại các Nghị định của Chính phủ, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Ban Bí thư Trung ương về chế độ tiền lương mới nêu trên.

2. Đối với người nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến ngày 30 tháng 9 năm 2005, lương hưu của người nghỉ hưu được điều chỉnh một lần khi nghỉ hưu với mức tăng ứng với thời điểm nghỉ hưu theo quy định sau:

Tháng nghỉ hưu từ 10/2004 - 9/2005	Nghỉ hưu vào 3 tháng cuối của năm 2004			Nghỉ hưu vào 9 tháng đầu của năm 2005								
	T10	T11	T12	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
Mức điều chỉnh (%)	10	9,5	9,0	8,5	8,0	7,5	7,0	6,5	6,0	5,5	5,0	4,5

Điều 4. Đối với người nghỉ hưu thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, thì chỉ điều chỉnh phần lương hưu hưởng theo tiền lương thuộc thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định. Các mức điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 2, khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

Điều 5. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính hưởng lương hưu đối với người nghỉ chờ đủ tuổi đời để hưởng chế độ hưu trí

trước ngày 01 tháng 10 năm 2004 và từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 10 năm 2005 mới hưởng chế độ hưu trí được tính theo mức tiền lương quy định tại các văn bản nêu tại tiết a khoản 1 Điều 3 Nghị định này. Mức điều chỉnh lương hưu được thực hiện như mức điều chỉnh lương hưu đối với người về hưu trước ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Điều 6. Kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp hàng tháng áp dụng đối với

các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này được quy định như sau:

1. Kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 10 năm 1995 do ngân sách Nhà nước bảo đảm.

2. Kinh phí điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 10 năm 1995 trở đi (bao gồm cả cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 và Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ) do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm.

Điều 7. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này được hưởng mức lương hưu, trợ cấp hàng tháng điều chỉnh theo quy định tại Nghị định này kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Điều 8.

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội quy định tại Nghị định này;

b) Trình Chính phủ tiếp tục điều chỉnh mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã

hội hàng tháng của các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 đến ngày 01 tháng 10 năm 2008.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí điều chỉnh lương hưu của các đối tượng nghỉ hưu, nghỉ việc hưởng trợ cấp mất sức lao động, kể cả người hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2000, trợ cấp công nhân cao su trước ngày 01 tháng 10 năm 1995.

3. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có trách nhiệm bảo đảm kinh phí điều chỉnh lương hưu của đối tượng nghỉ hưu và trợ cấp đối với cán bộ xã, phường, thị trấn từ ngày 01 tháng 10 năm 1995 trở đi; tổ chức hướng dẫn các cơ quan Bảo hiểm xã hội địa phương thực hiện việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và tổ chức chi trả cho các đối tượng kịp thời, đúng quy định tại Nghị định này.

Điều 9. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

KT. THỦ TƯỚNG

Phó Thủ tướng

Nguyễn Tấn Dũng

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng